

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 05./TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (“CC1”).

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) CC1 kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) xem xét thông qua việc **sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty** dựa trên quy định của Điều lệ CC1 và quy định của pháp luật hiện hành.

Nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết được trình bày tại (i) **Phụ lục sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty** và (ii) **Dự thảo toàn văn Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty** đã được sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này.

Kính trình ĐHCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



M.S.D.N: 0301125121

Phan Hữu Duy Quốc



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP
[Giấy CNĐKDN số: 0301429113]

PHỤ LỤC

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 05./TTr-HĐQT ngày 09 tháng 04 năm 2016 của Hội đồng quản trị CC1)

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông tại Điều 2			
1.	[Điểm b, Khoản 1, Điều 2]. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; quyết định chào bán các loại trái phiếu theo quy định của Luật Chứng Khoán.	[Điểm b, Khoản 1, Điều 2]. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, <u>phương án chào bán, phát hành</u> ; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần <u>và hình thức chi trả cổ tức</u> . [Điểm s, Khoản 1, Điều 2]. Quyết định chào bán các loại trái <u>phiếu bao gồm trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền</u> theo quy định của <u>pháp luật hiện hành có liên quan</u> .	Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ. Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ.
2.	0	[Điểm t, Khoản 1, Điều 2] Tăng hoặc giảm vốn điều lệ Công ty.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ.

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
3.	0	[Điểm u, Khoản 1, Điều 2] Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành khi giá trị thay đổi từ 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trở lên. Đối với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
4.	0	[Điểm v, Khoản 1, Điều 2] Quyết định số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể trong trường hợp cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
5.	0	[Điểm w, Khoản 1, Điều 2] Chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
6.	0	[Điểm x, Khoản 1, Điều 2] Thông qua phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo; phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
7.	0	[Điểm y, Khoản 1, Điều 2] Thay đổi tên, trụ sở chính của Công ty.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
8.	0	[Điểm z, Khoản 1, Điều 2] Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
9.	0	[Điểm aa, Khoản 1, Điều 2] Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình (i) có Ban kiểm soát hoặc (ii) có Ủy ban	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		kiểm toán hoặc (iii) mô hình khác theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).	
10.	0	[Điểm bb, Khoản 1, Điều 2] Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi, bao gồm việc thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
11.	0	[Điểm cc, Khoản 1, Điều 2] Lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
12.	[Điểm s, Khoản 1, Điều 2] Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này	[Điểm dd, Khoản 1, Điều 2] Các vấn đề khác theo quy định của <u>Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định</u> của pháp luật hiện hành có liên quan và Điều lệ Công ty.	Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ.
Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại Điều 7			
13.	[Khoản 1, Điều 7] Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	[Khoản 1, Điều 7] Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông <u>đối với tất cả vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u> khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ.
Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về quyền, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị tại Điều 11			
14.	[Điểm d, Khoản 1, Điều 11] Quyết định giá bán cổ phần; Quyết định chào bán các loại trái phiếu theo quy định của Luật chứng khoán.	[Điểm d, Khoản 1, Điều 11] Quyết định <u>thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào</u>	Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ.

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		<u>bán</u> ; Quyết định chào bán các loại trái phiếu <u>trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền</u> theo quy định của Luật Chứng khoán.	
15.	[Điểm m, Khoản 1, Điều 11] Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, tái cơ cấu và giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của Đơn vị kinh doanh hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại Đơn vị kinh doanh trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy chế nội bộ của Công ty.	[Điểm m, Khoản 1, Điều 11] Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, tái cơ cấu và giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần, mua <u>phần vốn góp</u> của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác <u>hoặc thoái vốn</u> của Công ty tại doanh nghiệp khác trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy chế nội bộ của Công ty.	Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ.
16.	0	[Điểm t, Khoản 1, Điều 11] Quyết định giá hoặc tổ chức định giá các tài sản góp vốn vào Công ty không phải tiền, bao gồm nhưng không giới hạn vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kinh doanh và các tài sản hợp pháp khác.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
17.	0	[Điểm u, Khoản 1, Điều 11] Giải quyết khiếu nại của Công ty đối với những Người điều hành của Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
18.	0	[Điểm v, Khoản 1, Điều 11]	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị.	
19.	0	[Điểm w, Khoản 1, Điều 11] Quyết định số lượng Người đại diện theo pháp luật và phân công nhiệm vụ cho các Người đại diện theo pháp luật.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
20.	0	[Điểm x, Khoản 1, Điều 11] Đề cử người vào Ủy ban kiểm toán và bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Điều lệ Công ty.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
21.	0	[Điểm y, Khoản 1, Điều 11] Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán trong Danh sách các công ty kiểm toán độc lập khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
22.	0	[Điểm z, Khoản 1, Điều 11] Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trong trường hợp (i) giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền hoặc (ii) trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng quản trị thông qua.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc tại khoản 4 Điều 17			
23.	0	[Điểm i, Khoản 4, Điều 17] Chỉ định và bãi nhiệm người làm đại diện thương mại và Luật sư của Công ty.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
24.	0	[Điểm j, Khoản 4, Điều 17] Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		thuê lại, cho mượn tài sản và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 3, 4, 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	
25.	0	[Điểm k, Khoản 4, Điều 17] Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác của Công ty có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 3, 4, 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
26.	0	[Điểm l, Khoản 4, Điều 17] Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 5 Điều 293 Nghị định số	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	
27.	0	<p>[Điểm m, Khoản 4, Điều 17] Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác với giao dịch có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.</p>	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
Sửa đổi bổ sung một số nội dung về Hiệu lực thi hành Quy chế tại Điều 24			
28.	<p>[Điều 24] Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế Quy chế trước đây có cùng nội dung. Thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.</p>	<p>[Điều 24] 1. <u>Quy chế này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.</u> 2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế Quy chế trước đây có cùng nội dung.</p>	<p>Bổ sung làm rõ ngôn ngữ được sử dụng để lập Quy chế và cách xử lý trong trường hợp có sự mâu thuẫn nội dung giữa các ngôn ngữ (<i>Khoản 1, Điều 24</i>).</p> <p>Bổ sung làm rõ cách xử lý trong trường hợp có sự mâu thuẫn nội dung giữa Quy chế này và Điều lệ (<i>Khoản 4, Điều 24</i>).</p>

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.</p> <p>4. <u>Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Quy chế này và Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề, thì các quy định của Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.</u></p>	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 09 /QĐ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1- CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1- CTCP hiện hành;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường của Tổng Công ty Xây dựng số 1- CTCP số 11/NQ-ĐHĐCĐ.BT ngày 09/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP.

Điều 2. Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của CC1 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 01 năm 2026 và thay thế Quy chế đã ban hành theo Quyết định số 44/QĐ-HĐQT ngày 21 tháng 4 năm 2025.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc CC1 và các phòng / ban CC1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu P.HC, TK.HĐQT CC1

Phan Hữu Duy Quốc

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP



**QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01. năm 2016

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐ – HDQT ngày 09 tháng 01 năm 2026 của
Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP)

MỤC LỤC

Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2.	Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 3.	Trình tự, thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 4.	Thủ tục tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 5.	Xác định hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 6.	Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 7.	Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 8.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 9.	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 10.	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 11.	Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	17
Điều 12.	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 13.	Chủ tịch Hội đồng quản trị	21
Điều 14.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị	22
Điều 15.	Các ban, tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	24
Điều 16.	Người phụ trách quản trị Công ty	25
Điều 17.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	26
Điều 18.	Người điều hành của Công ty	28
Điều 19.	Ủy ban Kiểm toán	28
Điều 20.	Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ủy ban Kiểm toán	30
Điều 21.	Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.....	30
Điều 22.	Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế.....	31
Điều 23.	Sửa đổi, bổ sung Quy chế	31
Điều 24.	Hiệu lực thi hành Quy chế	31
Phụ lục		29

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP ("**Công ty**") quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền, nghĩa vụ thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, phương án chào bán, phát hành; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần và hình thức chi trả cổ tức.
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán.
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị.

- k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- m. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.
- n. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.
- o. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán.
- p. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
- q. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
- r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- s. Quyết định chào bán các loại trái phiếu bao gồm trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
- t. Tăng hoặc giảm vốn điều lệ Công ty.
- u. Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành khi giá trị thay đổi từ 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trở lên. Đối với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.
- v. Quyết định số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể trong trường hợp cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh.
- w. Chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông.

- x. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo; phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích.
 - y. Thay đổi tên, trụ sở chính của Công ty.
 - z. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty.
 - aa. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình (i) có Ban kiểm soát hoặc (ii) có Ủy ban kiểm toán hoặc (iii) mô hình khác theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).
 - bb. Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi, bao gồm việc thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.
 - cc. Lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm.
 - dd. Các vấn đề khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định của pháp luật hiện hành có liên quan và Điều lệ Công ty.
2. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Trình tự, thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo.

Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập theo các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- b. Khi số lượng thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội.
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội.
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội.
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - g. Các công việc khác phục vụ cho cuộc họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông

báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp.
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
 - c. Phiếu biểu quyết.
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung quy định tại khoản 4 Điều này.
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên.
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
6. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
- a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.
 - b. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp

hủy cuộc họp. Thông báo mời họp phải được gửi trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

- c. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thông báo mời họp lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
- d. Số cổ đông dự họp được xác định trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, nếu quá 60 (sáu mươi) phút mà không đủ số lượng cổ đông tham dự theo điểm b,c Khoản này thì cuộc họp bị hủy. Cuộc họp có thể bắt đầu ngay khi có đủ số lượng cổ đông tham dự theo quy định tại Điểm a, b Khoản này mà không phải trì hoãn để đợi thêm các cổ đông khác chưa có mặt.

Điều 4. Thể thức tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành

viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị thuộc Ủy ban kiểm toán hoặc một trong các Thành viên Hội đồng quản trị điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.
8. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp

có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi Đại hội.

9. Chủ tọa, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Chủ tọa có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”).
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 5. Xác định hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông

1. Căn cứ vào nội dung, quy mô, thành phần tham dự, điều kiện phương tiện kỹ thuật, công nghệ, người chủ trì cuộc họp quyết định hình thức tổ chức họp trực tiếp hoặc họp trực tuyến nhằm bảo đảm hiệu quả, thuận lợi, tiết kiệm và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty cũng như diễn biến ngoài xã hội.

2. Hình thức họp trực tuyến sẽ được triển khai đối với các cuộc họp có nhiều thành phần tham dự khi có các sự cố về thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hay các sự kiện bất khả kháng khác mà không thể tổ chức họp trực tiếp được hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết tổ chức cuộc họp bằng phương thức trực tuyến.
3. Việc họp trực tuyến phải được sắp xếp, tổ chức hiệu quả, đồng bộ giữa các điểm cầu kết nối với nhau nhằm đạt mục đích, yêu cầu của cuộc họp.
4. Phòng họp trực tuyến cần đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của từng cuộc họp cụ thể. Phòng họp tại các điểm cầu tham gia họp trực tuyến phải thống nhất về kích cỡ hình ảnh, màu nền, màu chữ của phong nền.
5. Thiết bị họp trực tuyến gồm các thiết bị giải mã, màn hình hiển thị, camera và micro được tích hợp sẵn để đảm bảo tương thích, ổn định, bảo đảm mọi vị trí trong phòng họp đều có thể phát biểu và nghe rõ âm thanh phát ra từ hệ thống trực tuyến.
6. Các phòng ban, bộ phận được giao trách nhiệm lắp đặt, vận hành và quản lý hệ thống họp trực tuyến phải luôn sẵn sàng tổ chức họp theo yêu cầu của người chủ trì cuộc họp.
7. Trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được quy định tại Phụ lục đính kèm Quy chế này.

Điều 6. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty.
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
 - f. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 7. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Mục đích lấy ý kiến.
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ

đồng là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến Công ty gửi về sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ủy Ban kiểm toán hoặc của cổ đông không giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và

phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
- e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp.
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký.

- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp.
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
- i. Họ và tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 9. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 28 Điều lệ Công ty.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 (sáu mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp năm và Điều lệ Công ty.

Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
 - b. Trình độ chuyên môn.
 - c. Quá trình công tác.

- d. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
 - e. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có).
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định pháp luật.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và giám sát việc thực hiện kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn, kế hoạch kinh doanh của Công ty. Phê duyệt điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty trên cơ sở được đại hội đồng cổ đông ủy quyền khi xét thấy sự điều chỉnh này là phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
- d. Quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán; Quyết định chào bán các loại trái phiếu trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền theo quy định của Luật Chứng khoán.
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.
- i. Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác của Công ty có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.
- j. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đối với giá trị còn lại

thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại

- k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác mà Công ty góp vốn, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
- l. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.
- m. Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, tái cơ cấu và giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy chế nội bộ của Công ty.
- n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.
- o. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.
- p. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty.
- r. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty.

- s. Quyết định phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các Quỹ (Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi, vv...) theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - t. Quyết định giá hoặc tổ chức định giá các tài sản góp vốn vào Công ty không phải tiền, bao gồm nhưng không giới hạn vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kinh doanh và các tài sản hợp pháp khác.
 - u. Giải quyết khiếu nại của Công ty đối với những Người điều hành của Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó.
 - v. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị.
 - w. Quyết định số lượng Người đại diện theo pháp luật và phân công nhiệm vụ cho các Người đại diện theo pháp luật.
 - x. Đề cử người vào Ủy ban kiểm toán và bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Điều lệ Công ty.
 - y. Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán trong Danh sách các công ty kiểm toán độc lập khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.
 - z. Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trong trường hợp (i) giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền hoặc (ii) trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng quản trị thông qua.
 - aa. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 12. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - a. Thành phần Hội đồng quản trị bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị.
 - b. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
 - c. Trong Hội đồng quản trị có tối thiểu 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị độc lập, một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 13. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và

báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 14. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị bầu Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất 01 (một) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác.
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ

tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị

5. Trước đề nghị tổ chức họp Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa ($\frac{1}{2}$) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này.
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
 11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
 12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
 14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản phải có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Các Ban/tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các ban, tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.
2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 16. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông.
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
 - d. Tham dự các cuộc họp.
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị.
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan.
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
 - d. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả Người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
 - g. Tuyển dụng lao động.
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
 - i. Chỉ định và bãi nhiệm người làm đại diện thương mại và Luật sư của Công ty.
 - j. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 3, 4, 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi

tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

- k. Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác của Công ty có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 3, 4, 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
 - l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
 - m. Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác với giao dịch có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
 - n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 18. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc bổ nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty (nếu có).
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 19. Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên, chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán:
 - a. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;
 - b. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
 - c. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;

- e. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
 - f. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
 - g. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.
 - h. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
 - i. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
 - j. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
 - k. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
 - l. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
 - m. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.
3. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, Quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.

4. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
5. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Nội dung báo cáo phải có đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ủy ban Kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
4. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty; đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 21. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành của Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị có thể tham dự các cuộc họp giao ban hàng tháng của Ban điều hành, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, hợp tác, liên danh, liên kết, vv... do Tổng Giám đốc chủ trì trước khi trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt. Hàng năm, nếu cần thiết, Hội đồng quản trị có kế hoạch làm việc với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty để kiểm tra, giám sát việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nhằm kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan và thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể sử dụng nguồn lực (các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và/hoặc các chuyên viên) của Công ty để giúp Hội đồng quản trị xem xét, cho ý kiến tư vấn, tham mưu các vấn đề có liên quan. Việc sử dụng nguồn lực phải thông báo cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 48 (bốn mươi tám) giờ.
3. Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất là 45 (bốn mươi lăm) ngày.
4. Trong trường hợp cần thiết, vì những mục đích liên quan đến nhiệm vụ của mình, các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Ban điều hành cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty nhưng phải được sự đồng ý trước của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Yêu cầu phải được lập thành văn bản và gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 24 (hai mươi bốn) giờ.

Điều 22. Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế

1. Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các đơn vị, cá nhân có liên quan trong phạm vi nội bộ Công ty có trách nhiệm tuân thủ nghiêm các quy định trong Quy chế này.
2. Đơn vị hoặc cá nhân nào vi phạm các quy định trong Quy chế này, tùy theo mức độ và tính chất vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành của Công ty hoặc quy định của pháp luật.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện, mọi ý kiến đề nghị sửa đổi bổ sung Quy chế được phản ánh bằng văn bản cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị xem xét quyết định trong cuộc họp gần nhất.
2. Khi có những thay đổi của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc sửa đổi cho phù hợp.

Điều 24. Hiệu lực thi hành Quy chế

1. Quy chế này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.
2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế Quy chế trước đây có cùng nội dung.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

4. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Quy chế này và Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề, thì các quy định của Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Hữu Duy Quốc

PHỤ LỤC
HƯỚNG DẪN THAM DỰ HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ THỰC HIỆN BỎ
PHIẾU ĐIỆN TỬ CỦA TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

(Đính kèm Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Phụ lục này quy định về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của đại biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP (sau đây gọi là “**Công ty**”).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “**Đại biểu**” là Cổ đông, đại diện ủy quyền (người được ủy quyền).
2. “**Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**” là các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường được tổ chức dưới hình thức tham gia thông qua mạng internet để các Đại biểu thực hiện các quyền biểu quyết/bầu cử của mình.
3. “**Bỏ phiếu điện tử**” là việc Đại biểu kết nối Internet và thực hiện biểu quyết/bầu cử thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty quy định và thông báo.
4. “**Hệ thống bỏ phiếu điện tử**” là hệ thống cung cấp cho Đại biểu các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
5. “**Yếu tố định danh**” là những thông tin cần thiết để xác định chính xác một đối tượng trong một hoàn cảnh.
6. “**Sự kiện bất khả kháng**” là những sự kiện xảy ra ngoài ý chí của người triệu tập Đại hội không thể lường trước và khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép.
7. “**Bầu dồn đều**” là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Đại biểu dồn số phiếu cho 01 ứng cử viên hoặc chia đều số phiếu bầu cho nhiều ứng cử viên tương ứng. Sau khi chia đều, số Phiếu bầu tương ứng cho từng ứng cử viên được làm tròn xuống tính đến hàng đơn vị. Phiếu bầu lẻ còn lại (nếu có) sẽ bỏ.

“Bầu ghi số” là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Đại biểu sẽ ghi cụ thể số phiếu bầu cho từng ứng cử viên sao cho tổng số phiếu bầu của các ứng cử viên được bầu bằng tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Công ty thực hiện các quy định theo Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Điều kiện, cách thức Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối Internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối Internet, ...).

3. Cách thức thực hiện:

Đại biểu truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp quy định tại Điều 5 Phụ lục này để tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Điều 5. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp cho Đại biểu trong thông báo mời họp (hoặc theo hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 6. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 5 Phụ lục này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 7. Quy định về ủy quyền trực tuyến

1. Việc ủy quyền được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.
2. Các cổ đông cần tuân thủ việc cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.
3. Việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
 - Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
 - Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc Đại hội khai mạc chính thức.

4. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc Đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.
5. Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 8. Thời gian bỏ phiếu điện tử

Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc tại Đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần, trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

Điều 9. Cách thức bỏ phiếu điện tử

1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Đại biểu lựa chọn một trong ba phương án biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến” với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác thì việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều phiếu hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình Đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong Quy chế làm việc của Đại hội.
- Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

Điều 10. Cách thức kiểm phiếu

1. Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không ý kiến.
2. Biên bản kiểm phiếu là biên bản ghi nhận kết quả kiểm phiếu của tất cả các Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.
3. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 11. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 10 Phụ lục này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 12. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Việc yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.

Điều 13. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và hình thức thông qua

- Việc ghi biên bản Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp.
- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu khi tham gia bỏ phiếu điện tử

- Được biểu quyết, bầu cử tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử.
- Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin truy cập để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Mọi kết quả giao dịch bỏ phiếu của Đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử sẽ được mặc nhiên coi là quyết định cuối cùng của Đại biểu. Đại biểu chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện của Đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- Đại biểu phải thông báo ngay cho Công ty để kịp thời xử lý khi phát hiện tên truy cập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Công ty để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Đại biểu phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm Công ty nhận được thông báo của Đại biểu nếu như nguyên nhân là do Đại biểu.

Điều 15. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông.
- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận.

- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Đại hội.
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu.
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau bằng văn bản.

Điều 16. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng

1. Trong thời gian diễn ra việc tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng (ngoài tầm kiểm soát của Công ty) tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số Đại biểu tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền Internet, sự cố kỹ thuật tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan chức năng, người có thẩm quyền khác,
2. Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để Đại hội có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong Đại hội cổ đông được triệu tập gần nhất.

Điều 17. Điều khoản khác

Các nội dung liên quan khác không đề cập trong Phụ lục này mặc nhiên thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06.../TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09... tháng 01... năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (“CCI”);
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP.

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) CCI kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) xem xét thông qua việc **sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị** CCI dựa trên quy định của Điều lệ CCI và quy định của pháp luật hiện hành.

Nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết được trình bày tại (i) **Phụ lục sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị** và (ii) **Dự thảo toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị** đã được sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này.

Kính trình **ĐHĐCĐ** xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phan Hữu Duy Quốc



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

[Giấy CNĐKDN số: 0301429113]

PHỤ LỤC

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 06./TTr-HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2016 của Hội đồng quản trị CC1)

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
Sửa đổi, bổ sung nội dung về quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị tại khoản 1, Điều 4			
1.	[Điểm d, Khoản 1, Điều 4] Quyết định giá bán cổ phần; Quyết định chào bán các loại trái phiếu trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền theo quy định của Luật Chứng khoán.	[Điểm d, Khoản 1, Điều 4] Quyết định <u>thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán</u> ; Quyết định chào bán các loại trái phiếu trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền theo quy định của Luật Chứng khoán.	Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ.
2.	[Điểm k, Khoản 1, Điều 4] Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết <u>hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động</u> , quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành	[Điểm k, Khoản 1, Điều 4] Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, <u>ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng</u> , quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở	Quy chế sửa đổi nội dung cho phù hợp với Điều lệ.



STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở các công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.	các công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.	
3.	[Điểm p, Khoản 1, Điều 4] Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, tái cơ cấu và giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của Đơn vị kinh doanh hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy chế nội bộ của Công ty.	[Điểm p, Khoản 1, Điều 4] Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, tái cơ cấu và giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần, mua <u>phần vốn góp</u> của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác <u>hoặc thoái vốn</u> của Công ty tại doanh nghiệp khác trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy chế nội bộ của Công ty.	Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ.
4.	[Điểm u, Khoản 1, Điều 4] Giải quyết khiếu nại của CC1 đối với những Người điều hành của Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của CC1 để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó	[Điểm u, Khoản 1, Điều 4] Giải quyết khiếu nại của <u>Công ty</u> đối với những Người điều hành của Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của <u>Công ty</u> để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó	Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ.
5.	0	[Điểm w, Khoản 1, Điều 4] Quyết định số lượng Người đại diện theo pháp luật và phân công nhiệm vụ cho các Người đại diện theo pháp luật.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ.
6.	0	[Điểm x, Khoản 1, Điều 4] Đề cử người vào Ủy ban kiểm toán và bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Điều lệ của Công ty.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ.

UNG S

C1

01429

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
7.	0	[Điểm y, Khoản 1, Điều 4] Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán trong Danh sách các công ty kiểm toán độc lập khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ.
8.	0	[Điểm z, Khoản 1, Điều 4] Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trong trường hợp (i) giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền hoặc (ii) trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng quản trị thông qua.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ.
Sửa đổi, bổ sung nội dung về Hiệu lực thi hành tại Điều 19			
9.	0	[Khoản 4, Điều 19] 4. Quy chế này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.	Sửa đổi để làm rõ về ngôn ngữ được sử dụng để lập Điều lệ và cách xử lý trong trường hợp có sự mâu thuẫn về nội dung giữa các ngôn ngữ.

1-CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 10 /QĐ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1- CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1- CTCP hiện hành;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường của Tổng Công ty Xây dựng số 1- CTCP số 11/NQ-ĐHĐCĐ.BT ngày 09/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP (CC1).

Điều 2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị CC1 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 01 năm 2026 và thay thế Quy chế đã ban hành theo quyết định số 45/QĐ-HĐQT ngày 21 tháng 4 năm 2025.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc CC1 và các phòng / ban CC1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu P.HC, TK.HĐQT CC1

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Hữu Duy Quốc

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP



QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/QĐ-HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2016 của
Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP)*

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	3
NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG.....	3
Điều 1. Những căn cứ pháp lý	3
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
CHƯƠNG II	3
TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN VÀ NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
Điều 3. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị.....	3
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	4
Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	7
Điều 6. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đồng bất thường.....	8
Điều 7. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	9
CHƯƠNG III	9
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	9
Điều 8. Thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản trị	14
Điều 10. Các ban, tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	16
Điều 11. Cuộc họp Hội đồng quản trị	16

Điều 12. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.....	18
Điều 13. Trình báo cáo hàng năm	19
Điều 14. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên của Hội đồng quản trị	20
Điều 15. Công khai các lợi ích liên quan	20
CHƯƠNG IV	21
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 16. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 17. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc.....	22
Điều 18. Mối quan hệ với Ủy ban Kiểm toán	22
CHƯƠNG V	22
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	22
Điều 19. Hiệu lực thi hành	22
Điều 20. Bổ sung, sửa đổi	23

CHƯƠNG I

NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. Những căn cứ pháp lý

Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP (“Công ty”) được xây dựng dựa trên các căn cứ pháp lý sau đây:

1. Các quy định pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Điều lệ Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP (sau đây gọi là “Điều lệ Công ty”).

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác của Công ty.

CHƯƠNG II

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN VÀ NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị được quy định như sau:

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.
2. Căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ban hành “Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị”.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và giám sát việc thực hiện kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn, kế hoạch kinh doanh của Công ty. Phê duyệt điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khi xét thấy sự điều chỉnh này là phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - d. Quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán; Quyết định chào bán các loại trái phiếu trả lãi phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền theo quy định của Luật Chứng khoán.
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% (Mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.

- i. Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản của Công ty có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.
- j. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.
- k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở các công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
- l. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.
- m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- n. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty.
- o. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.
- p. Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình,

tái cơ cấu và giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy định tại Điều lệ và quy chế nội bộ của Công ty.

- q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty.
- r. Quyết định phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các Quỹ (Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi, vv...) theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- s. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.
- t. Quyết định giá hoặc tổ chức định giá các tài sản góp vốn vào Công ty không phải tiền, bao gồm nhưng không giới hạn vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kinh doanh và các tài sản hợp pháp khác.
- u. Giải quyết khiếu nại của Công ty đối với những Người điều hành của Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó.
- v. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.
- w. Quyết định số lượng Người đại diện theo pháp luật và phân công nhiệm vụ cho các Người đại diện theo pháp luật.
- x. Đề cử người vào Ủy ban kiểm toán và bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Điều lệ của Công ty.
- y. Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán trong Danh sách các công ty kiểm toán độc lập khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.

- z. Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trong trường hợp (i) giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền hoặc (ii) trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng quản trị thông qua.
- aa. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này.
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ.
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 6. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 360 (ba trăm sáu mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp.
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.

- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị.
- f. Xác định thời gian và địa điểm họp.
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 7. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

Để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong Quy chế này và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị hoạt động theo những nguyên tắc sau:

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo thể hiện qua các nghị quyết của Hội đồng quản trị.
2. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Số thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và có ít nhất 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc

lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

2.1 Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty.

2.2 Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

b. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

2.3 Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty.

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các công ty khác.

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

3.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tối đa 05 Công ty khác.

3.2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

4.1 Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

- 4.2 Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
- 4.3 Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
- 4.4 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.
 - Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp.
 - Trừ trường hợp quy định tại Điểm a và b Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
- 5.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
 - Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định để làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ

được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

- 5.2 Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
- 5.3 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ.
- 5.4 Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.
6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
- 6.1 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của CC1 để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
- b. Trình độ chuyên môn.
- c. Quá trình công tác.
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác).
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- g. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

6.2 Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 9. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - a. Lập chương trình kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ các cuộc họp Hội đồng quản trị; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - c. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Tổ chức thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - f. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên các tiểu ban tham mưu, hỗ trợ cho Hội đồng quản trị.
 - g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- Hỗ trợ tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp.
 - Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
 - Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị của Công ty.
 - Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.
 - Tham dự các cuộc họp.
 - Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
 - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho các thành viên của Hội đồng quản trị.
 - Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 10. Các ban, tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các ban, tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.
2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

Điều 11. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên Hội đồng quản trị có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị bầu Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị để hỗ trợ cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác.
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Hội đồng quản trị.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này.

- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư thì phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
 11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
 12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 12. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Thời gian, địa điểm họp.
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, và h khoản 1 Điều này thì Biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi Biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với công ty do từ chối ký biên bản theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 13. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty.
 - b. Báo cáo tài chính.
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.
2. Báo cáo quy định tại các khoản 1 Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01

(một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 14. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên của Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 15. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG IV

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên

chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 17. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết đề Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 18. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ủy ban Kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ban hành và thay thế Quy chế trước đây có cùng nội dung.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế.
3. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề, thì các quy định của Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.

4. Quy chế này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều 20. Bổ sung, sửa đổi

Trong quá trình thực hiện, mọi ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung được phản ánh bằng văn bản cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị xem xét trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Phan Hữu Duy Quốc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04../TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09.. tháng 01.. năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh
của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ban hành ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Quyết định ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ("**Quyết định 36**");
- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("**CCI**").

Để đảm bảo tương thích với Hệ thống ngành kinh tế mới theo quy định tại Quyết định 36, đồng thời đảm bảo sự thống nhất với thông tin tại Cổng thông tin Quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp và thuận lợi trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") CCI kính trình Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") xem xét thông qua việc:

1. Sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của CCI theo danh mục đính kèm Tờ trình này.
2. Giao cho Người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc của CCI triển khai các công việc liên quan tới thủ tục đăng ký sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp được Cơ quan đăng ký kinh doanh hướng dẫn điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh đăng ký dựa trên hồ sơ đăng ký đã nộp, thì Người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc được chủ động sửa đổi ngành, nghề theo hướng dẫn đó mà không phải xin lại ý kiến của Đại hội đồng cổ đông.
3. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ CCI phù hợp với nội dung ngành, nghề kinh doanh được thay đổi nêu trên.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Hữu Duy Quốc

DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Danh mục ngành, nghề kinh doanh đăng ký bổ sung

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê	5510
2	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520
3	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới, sàn giao dịch bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý); Quản lý vận hành nhà chung cư	6829
4	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo Chi tiết: Đầu tư sản xuất điện năng (không hoạt động tại trụ sở) (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	3511
5	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo Chi tiết: Đầu tư sản xuất điện năng (không hoạt động tại trụ sở) (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	3512
6	Dịch vụ vệ sinh khác (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8129
7	Khai thác, thu nhặt lâm sản trừ gỗ Chi tiết: Khai thác, chế biến, thu nhặt lâm sản trừ loại Nhà nước cấm, khai thác rừng tự nhiên (bao gồm khai thác gỗ và sản phẩm,)	0230

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	đánh bắt động vật hoang dã quý hiếm, quản lý quỹ gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp).	
8	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	4671
9	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	4672
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
11	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở; Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của UBND TP. HCM và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND TP. HCM về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4679

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
12	<p>Bán lẻ tổng hợp khác</p> <p>Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).</p>	4719
13	<p>Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).</p>	4752
14	<p>Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ)</p> <p>Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).</p>	4773
15	<p>Bán lẻ lương thực</p> <p>Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).</p>	4721
16	Bán lẻ thực phẩm	4722

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	
17	Bán lẻ đồ uống Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4723
18	Bán lẻ nhiên liệu động cơ Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4730
19	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
20	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Dịch vụ bảo trì và sửa chữa các phương tiện gắn máy (CPC 6112).	9531
21	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt	4662

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	
22	Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	4782
23	Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác) (CPC 633).	9532
24	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	4663
25	Bán lẻ mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	4783

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
26	Lập trình máy tính khác (CPC 842)	6219
27	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính (CPC 842)	6220
28	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác.	6290
29	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan	6310
30	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) (CPC 865)	7020
31	Cung ứng nguồn nhân lực khác Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)	7822
32	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
33	Khai thác gỗ	0220

2. Danh mục ngành, nghề đăng ký bỏ

Ngành, nghề bị xóa bỏ bao gồm:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê	5510

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
2	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới, sàn giao dịch bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý); Quản lý vận hành nhà chung cư	6820
3	Sản xuất điện Chi tiết: Đầu tư sản xuất điện năng (Không hoạt động tại trụ sở) (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	3511
4	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8129
5	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: Khai thác, chế biến lâm sản. Trừ loại Nhà nước cấm, khai thác rừng tự nhiên (bao gồm khai thác gỗ và sản phẩm, đánh bắt động vật hoang dã quý hiếm, quản lý quỹ gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp).	0231
6	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ. Trừ khai thác rừng tự nhiên (bao gồm khai thác gỗ và sản phẩm, đánh bắt động vật hoang dã quý hiếm, quản lý quỹ gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp).	0232
7	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác. (Trừ kinh doanh dầu thô và dầu đã qua chế biến, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4661

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
8	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng, kim loại quý và đá quý)	4662
9	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
10	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>(Trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí, đá quý; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở; Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).</i>	4669
11	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu <i>(Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).</i>	4799
12	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc Internet <i>(Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).</i>	4791

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	
13	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại)	4719
14	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	4752
15	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	(Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	
16	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4721
17	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4722
18	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
19	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	4730
20	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
21	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
22	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
23	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
24	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
25	Lập trình máy vi tính (CPC 842)	6201
26	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (CPC 842)	6202
27	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
28	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
29	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) (CPC 865)	7020
30	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)	7830

Như vậy, Danh mục ngành, nghề kinh doanh của CC1 sau khi đăng ký sửa đổi, bổ sung:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn xây dựng. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.	7110
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Kinh doanh khai thác cảng biển (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không).	5229
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà. Dịch vụ cho thuê văn phòng, căn hộ (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Kinh doanh bất động sản (Trừ việc đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).	6810
4	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	2392
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở; Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của UBND TP. HCM và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND TP. HCM về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4679
7	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê	
8	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520
9	Quảng cáo Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo.	7310
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).	4933
11	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ dịch vụ nổ mìn)	4312
12	Phá dỡ (Trừ phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng)	4311
13	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	4390
14	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới, sàn giao dịch bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý); Quản lý vận hành nhà chung cư	6829
15	Xây dựng công trình đường sắt Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình giao thông đường sắt	4211
16	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình giao thông đường bộ	4212
17	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình thủy điện, trạm biến áp, đường dây, mạng lưới truyền tải điện, phân phối điện	4221

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	(Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	
18	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây lắp, xây dựng đường ống và hệ thống thủy lợi, hồ chứa; Xây dựng công trình, hệ thống xử lý nước thải	4222
19	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc Chi tiết: Xây dựng các mạng lưới cáp viễn thông, thông tin liên lạc và các đài, trạm thu phát sóng truyền thanh, truyền hình	4223
20	Xây dựng công trình công ích khác	4229
21	Xây dựng công trình thủy (Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	4291
22	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
23	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp (loại trừ công trình nhà)	4293
24	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình dân dụng, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp	4299 (Chính)
25	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo Chi tiết: Đầu tư sản xuất điện năng (không hoạt động tại trụ sở) (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	3511
26	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo	3512

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Đầu tư sản xuất điện năng (không hoạt động tại trụ sở) (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	
27	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (Không hoạt động tại trụ sở)	2395
28	Xây dựng nhà không để ở Chi tiết: Xây dựng các loại nhà không để ở như: bưu điện, trường học, bệnh viện, nhà làm việc, Khách sạn, cửa hàng, nhà hàng, trung tâm thương mại, Khu thể thao trong nhà, Bãi đỗ xe, bao gồm cả bãi đỗ xe ngầm; Lắp ráp và ghép các cấu kiện xây dựng đúc sẵn tại hiện trường xây dựng	4102
29	Xây dựng nhà để ở Chi tiết: Xây dựng tất cả các loại nhà để ở; Tu sửa và cải tạo các khu nhà ở đã tồn tại	4101
30	Sản xuất sản phẩm chịu lửa (Không hoạt động tại trụ sở)	2391
31	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (Không hoạt động tại trụ sở)	2394
32	Lắp đặt hệ thống điện	4321
33	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
34	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
35	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
36	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
37	Dịch vụ vệ sinh khác (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8129
38	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ hỏa long khí để vận chuyển đường)	5225
39	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Trừ Dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dụng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá).	7120
40	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
41	Khai thác, thu nhặt lâm sản từ gỗ Chi tiết: Khai thác, chế biến, thu nhặt lâm sản từ loại Nhà nước cấm, khai thác rừng tự nhiên (bao gồm khai thác gỗ và sản phẩm, đánh bắt động vật hoang dã quý hiếm, quản lý quỹ gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp).	0230
42	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế), sản xuất sản phẩm khác từ gỗ (trừ sản xuất bột giấy, tái chế phế thải, chế biến gỗ tại trụ sở).	.
43	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Chi tiết: sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không hoạt động tại trụ sở).	1621
44	Sản xuất đồ gỗ xây dựng. (Không hoạt động tại trụ sở).	1622
45	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Chế biến gỗ (không hoạt động tại trụ sở).	1610
46	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).	1079
47	Chế biến và bảo quản rau quả (không hoạt động tại trụ sở).	1030
48	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông sản, lâm sản, cây dược liệu (không hoạt động tại trụ sở) (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4620
49	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thủy, hải sản các loại; thực phẩm đông lạnh. Bán buôn rau, củ, quả các loại; bán buôn thực phẩm các loại; Bán buôn hàng công nghệ phẩm, chè, cà phê, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (không hoạt động tại trụ sở) (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa	4632

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	
50	Dịch vụ đóng gói Chi tiết: Đóng gói bảo quản dược liệu. Đóng gói và bảo quản thủy hải sản. Đóng gói và bảo quản rau, hoa, quả tươi, khô, đóng gói và bảo quản thực phẩm chức năng (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).	8292
51	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	4671
52	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	4672
53	Bán buôn tổng hợp (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	4690
54	Bán lẻ tổng hợp khác Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo	4719

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	
55	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4752
56	Sản xuất sắt, thép, gang (Không sản xuất tại trụ sở).	2410
57	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Không bao gồm khoáng sản cấm khai thác theo quy định của pháp luật. (Không hoạt động tại trụ sở) (doanh nghiệp chỉ được hoạt động ngành nghề kinh doanh này để phục vụ thi công xây dựng dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và được cấp phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).	0810
58	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	4649
59	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
60	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư	4610

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	
61	Khai thác và thu gom than cứng Không bao gồm khoáng sản cấm khai thác theo quy định của pháp luật. (Không hoạt động tại trụ sở) (doanh nghiệp chỉ được hoạt động ngành nghề kinh doanh này để phục vụ thi công xây dựng dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và được cấp phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).	0510
62	Khai thác và thu gom than non Không bao gồm khoáng sản cấm khai thác theo quy định của pháp luật. (Không hoạt động tại trụ sở) (doanh nghiệp chỉ được hoạt động ngành nghề kinh doanh này để phục vụ thi công xây dựng dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và được cấp phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).	0520
63	Khai thác và thu gom than bùn Không bao gồm khoáng sản cấm khai thác theo quy định của pháp luật. (Không hoạt động tại trụ sở) (doanh nghiệp chỉ được hoạt động ngành nghề kinh doanh này để phục vụ thi công xây dựng dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và được cấp phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).	0892
64	Sản xuất than cốc	1910
65	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam	4773

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	
66	Bán lẻ lương thực Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4721
67	Bán lẻ thực phẩm Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4722
68	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
69	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ.	5022
70	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác (trừ cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay).	5210
71	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ, bốc xếp hàng hóa cảng sông, bốc xếp hàng hóa cảng biển, bốc xếp hàng hóa ga đường sắt.	5224

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
72	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh; dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác (trừ cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không).	5610
73	Dịch vụ ăn uống khác (Trừ cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không).	5629
74	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán cà phê, giải khát; dịch vụ phục vụ đồ uống khác (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ).	5630
75	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Trừ cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không)	5621
76	Bán lẻ đồ uống Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4723
77	Bán lẻ nhiên liệu động cơ Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4730
78	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
79	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	9531

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Dịch vụ bảo trì và sửa chữa các phương tiện gắn máy (CPC 6112).	
80	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	4662
81	Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	4782
82	Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác) (CPC 633).	9532
83	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	4663
84	Bán lẻ mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4783

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	
85	Lập trình máy tính khác (CPC 842)	6219
86	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính (CPC 842)	6220
87	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác.	6290
88	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan	6310
89	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) (CPC 865)	7020
90	Cung ứng nguồn nhân lực khác Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)	7822
91	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619
92	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính (CPC 892)	7740
93	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, vật tư, thiết bị vật liệu điện: Tổ máy phát điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện đã hoặc chưa bọc lớp cách điện, role, cầu dao, cầu chì, thiết bị mạch điện khác	4659
94	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
95	Khai thác gỗ	0220

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 08/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP;
- Căn cứ Đơn xin từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị ngày 18/12/2025 của Ông Nguyễn Văn Huân.

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (“**CCI**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCD**”) thông qua việc:

Miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị CCI theo nguyện vọng cá nhân đối với ông Nguyễn Văn Huân.

Kính trình ĐHĐCD xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.



Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 09/TTTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc Danh sách đề cử, ứng cử để bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị
nhiệm kỳ 2021-2026**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP;
- Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông bất thường về việc thông qua miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị CCI;
- Căn cứ Đơn đề cử, ứng cử Ông Trần Hữu Phong tham gia Hội đồng quản trị CCI ngày 18/12/2025 của nhóm cổ đông đề cử;
- Căn cứ Sơ yếu lý lịch thể hiện trình độ, năng lực, quá trình công tác của Ông Trần Hữu Phong (đính kèm).

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (“**CCI**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thông qua danh sách ứng cử viên Thành viên Hội đồng quản trị để bầu bổ sung vào nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

1. Ông Trần Hữu Phong.

Các nội dung khác liên quan đến bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026 được áp dụng theo Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**
Phan Hữu Duy Quốc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên : **Trần Hữu Phong**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: : 30 - 12 - 1973
- Nơi sinh : Long An
- Quốc tịch : Việt Nam
- CCCD/HC: : 080073000019 Ngày cấp: 27 - 11 - 2025
- Hộ khẩu thường trú : 08 Bà Huyện Thanh Quan, Phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng - Thạc sỹ QTKD (MBA)
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2024 – đến nay	Công ty CP XD Số 1 Việt Quang	Tổng giám đốc
Từ 2023 – đến 2024	Tập đoàn Liên Thái Bình Dương IPPG	Giám đốc điều hành - mảng XD Nội thất
Từ 2022 – đến 2023	Tổng công ty XD Số 1	Trưởng VP HĐQT kiêm Phó TGD
Từ 2019 – đến 2022	Công ty Cổ Phần Lizen	Phó Tổng giám đốc - Kinh tế Kỹ thuật
Từ 2016 – đến 2018	Công ty CP TM & DV MEP	Tổng giám đốc
Từ 2012 – đến 2016	Công ty Saint Gobain	Giám đốc điều hành (BU) - mảng Plasters
Từ 2008 – đến 2012	Công ty BlueScope Steel Công ty BlueScope Building (PEB)	Giám đốc phát triển kinh doanh Giám đốc Marketing
Từ 2004 – đến 2008	Công ty Holcim Cement & Concrete	Chuyên viên cấp cao: Kỹ thuật - Sales & Marketing - Phát triển thị trường bê tông
Từ 2002 – đến 2004	Công ty XD Leighton	Giám sát Dự án Nhiệt điện Phú Mỹ 3
Từ 2000 – đến 2001	Tập đoàn Posco	Giám sát Dự án Tòa nhà Diamond Plaza
Từ 1998 – đến 2000	Tập đoàn Xây dựng TOA	QA/QC – Cốt liệu & bê tông Dự án Nhiệt điện Phú Mỹ 1

- Số cổ phần sở hữu của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP ("CC1"): 0, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Các chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - **Thành viên HĐQT** Công ty CP XD Số 1 Việt Nguyên
 - **Thành viên HĐQT** Công ty CP XD Số 1 Việt Quang
 - **Tổng giám đốc** Công ty CP XD Số 1 Việt Quang

12. Các lợi ích liên quan đến CC1 (nếu có): không

13. Cam kết:

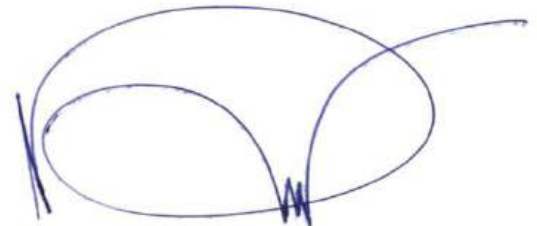
Tôi thừa nhận, đồng ý và cam kết rằng:

- Các thông tin được cung cấp trên đây là chính xác và trung thực. CC1 được toàn quyền sử dụng các thông tin được cung cấp trên đây nhằm mục đích cho việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của CC1, thực hiện công bố thông tin trên trang điện tử của CC1 và thực hiện công bố thông tin trong trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của CC1 và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và trung thành vì lợi ích cao nhất của CC1 và các cổ đông nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có thông tin sai lệch và không được cung cấp, cập nhật cho CC1.

Hồ chí minh, ngày 18 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI KHAI



Trần Hữu Phong